TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA BÌNH** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/5/2019
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tấn Phước.

2. Ông Nguyễn Văn Miên.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà PhanThị Mỹ Ghết - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên tòa*: Bà Dương Thục Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 04 năm 2019 về *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXX- ST ngày 17 tháng 04 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Dương Hồng Th**, sinh năm 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Lạc, xã Vĩnh Thịnh, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn T** sinh năm: 1964 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Lạc, xã Vĩnh Thịnh, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2018 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nguyên đơn là chị Dương Hồng Th trình bày: Chị và anh Trần Văn T chung sống với nhau vào năm 1994, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống chị và anh T có 02 người con chung tên Trần Quốc TH, sinh năm 1995 đã trưởng thành và Trần Ngọc Khả H, sinh ngày 22/09/2005, đang sống chung với anh chị, nguyện vọng của cháu H muốn sống cùng với chị Th, chị Th yêu cầu được nuôi cháu H, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn: Do vợ chồng chị bất đồng trong quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng chị đã sống ly thân khoảng hơn 10 năm nay.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì thêm.

- Về phía bị đơn là anh Trần Văn T trình bày trong hồ sơ: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị Th về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung là đúng. Nay anh đồng ý ly hôn với chị Dương Hồng Th, đồng ý giao con chung là cháu Trần Ngọc Khả H, sinh ngày 22/09/2005 cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục, anh xin tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì thêm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Dương Hồng Th và anh Trần Văn T là vợ chồng; giao cháu Trần Ngọc Khả H cho chị Th nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh T không phải cấp dưỡng nuôi cháu H, vì chị Th không yêu cầu, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Th phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là chị Dương Hồng Th và bị đơn là anh Trần Văn T. Anh T có nơi cư trú tại ấp Vĩnh Lạc, xã Vĩnh Thịnh, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Tại phiên tòa anh Trần Văn T vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Hồng Th và anh Trần Văn T chung sống với nhau vào năm 1994, có tổ chức lễ cưới theo truyền thống nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống chị Th và anh T không quan tâm xây dựng hạnh phúc, yêu thương nhau, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài, chẳng những không có biện pháp để khắc phục, dung hòa mà mâu thuẫn ngày càng lớn, từ

đó dẫn đến rạn nứt tình cảm vợ chồng; chị Th và anh T không còn tình cảm yêu thương với nhau thể qua việc chị Th, anh T đã sống ly thân khoảng 10 năm nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T, đồng thời anh T cũng đồng ý ly hôn với chị Th, điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xem xét cho ly hôn. Tuy nhiên, chị Th và anh T tự nguyện sống chung với nhau, không đăng ký kết hôn. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014, hôn nhân giữa chị Th và anh T là không hợp pháp nên không công nhận chị Th và anh T là vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Th và anh T có người 02 con chung tên Trần Quốc Th, sinh năm 1995 đã trưởng thành và Trần Ngọc Khả H, sinh ngày 22/09/2005, đang sống chung với anh chị, nguyện vọng của cháu H muốn sống cùng với chị Th, chị Th yêu cầu được nuôi cháu H, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử, đã xem xét hết mọi mặt và theo nguyện vọng của cháu H muốn sống cùng chị Th. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu H cho chị Th nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục, sau khi ly hôn, chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu H; anh T không phải cấp dưỡng nuôi cháu H, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th và anh T xác định đã tự thỏa thuận về tài sản và xác định không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27; tiểu mục 1.1, mục 1 phần II danh mục án phí Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Dương Hồng Th và anh Trần Văn T là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Trần Ngọc Khả H, sinh ngày 22/09/2005, cho chị Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T, do chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu H. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Dương Hồng Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Th đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014733 ngày 02/04/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình;
- UBND xã Vĩnh Thịnh, H. Hòa Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thúy Oanh